

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 1259 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 27 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 và nhân dân huyện Mường Lát trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực năm 2016

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Mường Lát;

Căn cứ Thông tư số 211/2013/TT-BTC ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, viện trợ;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 phê duyệt phương án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Mường Lát tự nguyện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực, giai đoạn 2013 - 2018; Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 phê duyệt hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện Mường Lát tự nguyện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế đất nương rẫy năm 2016 theo Quyết định số 552/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 phê duyệt phân bổ gạo từ nguồn dự trữ quốc gia hỗ trợ nhân dân dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/1/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định về giá cước vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện vận tải ô tô áp dụng để tính trợ cước vận chuyển hàng hóa các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào miền núi;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1238/STC-NSHX ngày 31/3/2017 về việc phê duyệt kinh phí vận chuyển gạo cho nhân dân trong dịp

Tết Nguyên đán và nhân dân trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy của huyện Mường Lát,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí vận chuyển gạo cấp cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 và nhân dân huyện Mường Lát trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực năm 2016 với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số lượng gạo đã vận chuyển: 1.718,716 tấn.

Trong đó:

- Số lượng gạo cấp cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 là 650,25 tấn.

- Số lượng gạo cấp cho nhân dân huyện Mường Lát trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực năm 2016 là 1.068,466 tấn (từ tháng 9 – tháng 12/2016).

2. Đơn giá vận chuyển: Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 21/01/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Địa điểm giao, nhận gạo: Trung tâm các xã hoặc cụm xã trên địa bàn các huyện và tại các đơn vị trên địa bàn huyện.

4. Kinh phí hỗ trợ:

- Tổng số tiền: 458.587.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tám triệu, năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Trong đó:

+ Kinh phí vận chuyển gạo cấp cho nhân dân trong dịp Tết Nguyên đán Đinh Dậu năm 2017 là 136.583.000 đồng (dự toán chi tiết tại phụ lục I kèm theo).

+ Kinh phí vận chuyển gạo cấp cho nhân dân huyện Mường Lát trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng sản xuất thay thế nương rẫy trong thời gian chưa tự túc được lương thực năm 2016 là 322.004.000 đồng (dự toán chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp đảm bảo xã hội (đảm bảo xã hội khác) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh cấp kinh phí cho Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa để thực hiện.

2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh, quyết toán theo chế độ quy định.

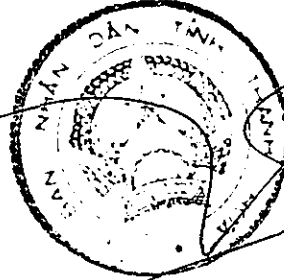
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / ~~16/07~~

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lê Thị Thìn;
- Lưu: VT, KTTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*



Lê Thị Thìn

Phụ lục I

**KINH PHÍ VẬN CHUYỂN GIAO NHẬN GẠO CẤP CHO NHÂN DÂN
TRONG DỊP TẾT NGUYÊN ĐÁN ĐÌNH DẬU NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định số 1259 /QĐ-UBND ngày 24 /4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Số tiền
	Tổng cộng (làm tròn số)	136.583.000
	Tổng cộng	136.583.066
I	Chi phí vận chuyển gạo	111.236.816
1	Cước cơ bản	89.128.316
	Miền núi: (162,12 tấn x 40 km x 3.142*1,5 đ/t-km x 1,1)	33.619.149
	Miền xuôi: (488,13 tấn x 30km x 2.297*1,5 đ/tấn - km x 1,1)	55.509.167
2	Chi phí chờ đợi (34.000đ/t/xe/giờ x 650,25 tấn x 1 giờ)	22.108.500
II	Chi phí phục vụ giao nhận gạo, chi phí quản lý chỉ đạo	25.346.250
	Tính theo số kg gạo thực tế cấp cho huyện:	
1	Đối với huyện Mường Lát: 15,570 tấn x 60.000đ/tấn	934.200
2	Đối với 10 huyện miền núi còn lại : (146,55 tấn x 50.000đ/tấn)	7.327.500
3	Đối với huyện miền xuôi: (488,13 tấn x 35.000đ/tấn)	17.084.550

160

Phụ lục II

KINH PHÍ VẬN CHUYỂN GIAO NHẬN GẠO CẤP CHO NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT TRÔNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ RỪNG THAY THẾ NƯƠNG Rẫy

(Kèm theo Quyết định số: 1259/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung chi phí	Số tiền
	Tổng cộng (làm tròn số)	322.004.000
	Tổng cộng	322.004.175
I	Chi phí vận chuyển gạo	257.897.775
1	Cước cơ bản	221.569.931
	Miền núi: (1.068,466 tấn x 40 km x 3.142*1,5 đ/t-km x 1,1)	221.569.931
2	Chi phí chờ đợi (34.000đ/t/xe/giờ x 1.068,466 tấn x 1 giờ)	36.327.844
II	Chi phí phục vụ giao nhận gạo, chi phí quản lý chỉ đạo	64.106.400
	Tính theo số kg gạo thực tế cấp cho huyện Mường Lát	
1	Chi phí giao nhận gạo tại huyện Mường Lát tính bình quân 60.000đ/ tấn:	64.106.400
	1.068,466 tấn x 60.000 đ/tấn	